

Số: 705/BC-UBND

Đắk Nông, ngày 25 tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 và Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Thực hiện Kế hoạch số 13/KH-HĐND ngày 12/9/2022 của Thường trực HĐND tỉnh về tổ chức Kỳ họp thứ 5 HĐND tỉnh khóa IV, nhiệm kỳ 2021-2026; UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 và Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 như sau:

Phần I:

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

Kế hoạch đầu tư công năm 2022 là nguồn lực quan trọng thực hiện các Nghị quyết, kế hoạch phát triển giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 của Trung ương và địa phương, cụ thể là: Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2021-2025; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 của HĐND tỉnh. Đồng thời, việc thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công được xem là giải pháp tích cực để hỗ trợ tăng trưởng cho nền kinh tế, góp phần ổn định kinh tế - xã hội sau đại dịch Covid-19 và được xác định là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, ưu tiên trong năm 2022.

I. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 là 2.675.792 triệu đồng (bao gồm: kế hoạch vốn được giao năm 2022 là 2.671.142 triệu đồng; kế hoạch vốn kéo dài năm 2021 chuyển sang năm 2022 là: 4.650 triệu đồng). Cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giao năm 2022 là: 2.671.142 triệu đồng

- Nguồn NSDP được giao năm 2021 là 1.192.730 triệu đồng (cao hơn 296.500 triệu đồng so với Quyết định giao vốn của Thủ tướng Chính phủ);

- Nguồn ngân sách Trung ương là 1.232.500 triệu đồng;

- Nguồn vốn ODA là 245.912 triệu đồng.

* **Tình hình phân bổ:** Đến nay, đã thực hiện phân bổ được 2.668.969 triệu đồng/2.671.142 triệu đồng, đạt 99,92%; còn lại 2.173 triệu đồng.

a) Nguồn ngân sách địa phương: Đã phân bổ 1.190.557 triệu đồng/1.192.730 triệu đồng, đạt 99,82%. Còn lại là 2.173 triệu đồng (*nguồn Chính phủ vay về cho vay lại*).

b) Nguồn ngân sách trung ương: Đã phân bổ 1.232.500 triệu đồng/1.232.500 triệu đồng, đạt 100%.

c) Nguồn vốn ODA: Đã phân bổ 245.912 triệu đồng/245.912 triệu đồng, đạt 100%.

2. Kế hoạch vốn kéo dài năm 2021 chuyển sang năm 2022 là: 4.650 triệu đồng, trong đó:

a) ngân sách địa phương là 2.429 triệu đồng.

b) Vốn ODA là 2.221 triệu đồng.

***Riêng đối với vốn chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022**

Đến nay đã phân bổ vốn 450.863 triệu đồng/450.863 triệu đồng đạt 100%, bao gồm:

+ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 201.332 triệu đồng/201.332 triệu đồng, đạt 100%.

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 151.311 triệu đồng/151.311 triệu đồng, đạt 100%.

+ Chương trình MTQG nông thôn mới: 98.220 triệu đồng/98.220 triệu đồng, đạt 100%.

II. Công tác chỉ đạo điều hành kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022:

- UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2022 (*tại Nghị quyết số 176/NQ-HĐND ngày 15/12/2021*), giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 (*tại Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 16/12/2021*) đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, chỉ đạo thực hiện và tăng cường quản lý kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 (*tại Công văn số 7318/UBND-KTTH ngày 16/12/2021*).

- Ngay từ đầu năm, xác định nhiệm vụ đẩy nhanh giải ngân nguồn vốn đầu tư công, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, ưu tiên của các cấp, các ngành trong năm 2022, UBND tỉnh đã triển khai thực hiện các giải pháp như:

+ Ban hành Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 27/01/2022 về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

+ Ban hành Công văn số 1688/UBND-KT ngày 06/4/2022 về việc đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022.

+ Ban hành Chương trình số 1765/CTr-UBND ngày 12/4/2022 về phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội các năm 2022, 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

+ Ban hành Công văn số 2542/UBND-KT ngày 17/5/2022 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài.

+ Ban hành Công văn số 6229/UBND-KT ngày 31/10/2022 về việc tăng cường quản lý, thực hiện và giải ngân vốn ODA năm 2022.

- Đối với các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp, UBND tỉnh Đắk Nông đã triển khai quyết liệt, đồng bộ nhiều giải pháp để đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn, cụ thể:

+ Quán triệt, thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 307/CĐ-TTg ngày 08/4/2022 về đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài; chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh tại Công văn số 2644/VPCP-QHQT ngày 27/4/2022 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài...

+ UBND tỉnh đã thành lập Tổ công tác thúc đẩy tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 do Chủ tịch UBND tỉnh làm Tổ trưởng. Đồng thời Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông ban hành quyết định thành lập 03 tổ công tác kiểm tra, đôn đốc giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022, trong đó các Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Tổ trưởng các tổ theo các lĩnh vực công nghiệp - xây dựng; nông nghiệp - thủy lợi; văn hóa - xã hội để đôn đốc, trực tiếp chỉ đạo đẩy nhanh tỉ lệ giải ngân cụ thể từng dự án.

+ Kiến nghị Trung ương điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) năm 2022 là 92.878 triệu đồng (tại Công văn số 6551/UBND-KT ngày 14/11/2022).

III. Kết quả giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 đến ngày 15/11/2022 và ước thực hiện hết năm 2022:

III.1. Kết quả giải ngân đến ngày 15/11/2022:

1. Đối với kế hoạch vốn đầu tư công giao năm 2022 là: 1.406.071 triệu đồng/2.671.142 triệu đồng, đạt 52,6% bao gồm:

+ Ngân sách địa phương: 723.242 triệu đồng/1.192.730 triệu đồng, đạt 60,6%.

+ Ngân sách trung ương: 580.480 triệu đồng/1.232.500 triệu đồng, đạt 47,1%.

+ Vốn ODA: 104.570 triệu đồng /245.912 triệu đồng, đạt 41,6%.

2. Đối với vốn kéo dài năm 2021 chuyển sang năm 2022 là: 2.707 triệu đồng/4.650 triệu đồng, đạt 58% bao gồm.

+ Ngân sách địa phương: 486 triệu đồng/2.429 triệu đồng đạt 20%.

+ Vốn ODA: 2.221 triệu đồng/2.221 triệu đồng đạt 100%.

3. Đối với vốn chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022: Các dự án chương trình mục tiêu quốc gia chưa giải ngân.

III.2. Dự kiến giải ngân năm 2022:

1. Đối với kế hoạch vốn đầu tư công giao năm 2022 là: 2.576.091 triệu đồng/2.671.142 triệu đồng, đạt 96,44%, bao gồm:

- Nguồn ngân sách địa phương là 1.190.557 triệu đồng/1.192.730 triệu đồng, đạt 99,82%, do còn lại 2.173 triệu đồng nguồn Chính phủ vay về cho vay lại không còn nhu cầu phân bổ và giải ngân.

- Ngân sách trung ương: 1.232.500 tỷ đồng /1.232.500 tỷ đồng đạt 100%.

- Vốn ODA: 153.034 triệu đồng/245.912 triệu đồng đạt 62,23%, do một số dự án gặp vướng mắc trong quá trình thực hiện không có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2022, UBND tỉnh đã có văn bản đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp điều chỉnh giảm kế hoạch ngân sách năm 2022 tỉnh Đắk Nông số tiền là 92.878 triệu đồng (tại Công văn số 6551/UBND-KT ngày 14/11/2022). Nếu trung ương thống nhất cho điều chỉnh giảm theo đề xuất của UBND tỉnh thì tiến độ giải ngân dự kiến đạt 100%.

2. Đối với vốn kéo dài năm 2021 chuyển sang năm 2022 là: 4.125,75 triệu đồng/4.650 triệu đồng, do giảm 524,25 triệu đồng nguồn Chính phủ vay về cho vay lại của Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán, vay vốn ADB tỉnh Đắk Nông vì Chủ đầu tư chưa thực hiện nhận nợ số vốn trên.

3. Đối với vốn chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 là: 360.690 triệu đồng/450.863 triệu đồng đạt 80%.

IV. Một số kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế:

1. Một số kết quả đạt được:

- Đã chủ động xây dựng, giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 ngay từ tháng 12 năm 2021, bảo đảm đúng theo quy định của Luật Đầu tư công, tạo điều kiện thuận lợi, chủ động cho các cấp, các ngành trong công tác chuẩn bị, xây dựng kế hoạch thực hiện và giải ngân vốn.

- Mặt khác, ngay từ đầu năm đã xác định việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công được là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, ưu tiên trong năm 2022; tạo sự thúc đẩy để phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh phục hồi ảnh hưởng của đại dịch Covid-19; đồng thời, kết quả giải ngân được xem là tiêu chí để đánh giá tổ chức, cá nhân trong công tác thi đua khen thưởng năm 2022. Do đó, được sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh nên các cấp, các ngành, các chủ đầu tư đã ban hành các kế hoạch theo dõi cụ thể đến từng dự án; tổng hợp, báo cáo để kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tất cả các khâu: giải phóng mặt bằng, đấu thầu, thanh toán...

- Đối với các dự án được bố trí vốn để hoàn ứng ngân sách trung ương đã giải ngân đảm bảo theo tiến độ đặt ra. Một số chủ đầu tư đến ngày 15/11/2022 có tiến độ giải ngân tốt, đạt trên 80% kế hoạch vốn, như: Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Y tế, Sở Công Thương, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh, huyện Tuy Đức, huyện Cư Jút, thành phố Gia Nghĩa...

- Đã chủ động cắt giảm kế hoạch vốn của các dự án chậm giải ngân hoặc không có khả năng giải ngân để bổ sung cho các dự án có tiến độ thực hiện, giải ngân tốt, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Đã chỉ đạo các đơn vị có liên quan chủ động rà soát báo cáo, tham mưu UBND tỉnh kịp thời kiến nghị trung ương điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) năm 2022.

2. Những tồn tại, hạn chế:

- Đến nay một số đơn vị được giao chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân thấp dưới mức trung bình chung của cả tỉnh (52,6%) như: Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông, huyện Đắk Mill, huyện Đắk R'lấp; Tỉnh đoàn; Sở Kế hoạch và Đầu tư (do chưa nhập TABMIS), Trường Cao đẳng cộng đồng (do chưa nhập TABMIS).

- Tổng số thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh đến 31/10/2022 là 160.855 triệu đồng/265.000 triệu đồng số dự toán được giao, dự kiến số thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh năm 2022 là 180.189 triệu đồng/265.000 triệu đồng số dự toán được giao, đạt 68% dự toán được giao, do đó ảnh hưởng đến kết quả giải ngân.

- Giá các vật liệu xây dựng trên thị trường tăng mạnh, nhất là sắt, thép xây dựng, xi măng, cát, sỏi... tác động trực tiếp đến chi phí của doanh nghiệp, nhà thầu xây dựng, một số dự án phải thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư làm ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thi công, tiến độ giải ngân của dự án.

- Việc thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng của UBND các huyện, thành phố chưa thực sự quyết liệt, chưa chủ động dẫn đến nhiều dự án (*kể cả một số dự án chuyển tiếp*) còn nhiều vướng mắc, chưa bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công, như: Hồ Gia Nghĩa; Nâng cấp các trục đường giao thông chính thị trấn Đắk Mil; Đường giao thông từ thị trấn Kiến Đức đi liên xã Kiến Thành - Nhân cơ - Nhân Đạo; Hồ Đắk R'tan, xã Đắk R'Tih, huyện Tuy Đức... Một số dự án mở mới phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, trong đó một phần trách nhiệm do các đơn vị đề xuất dự án khi lập đề xuất dự toán chi phí GPMB chưa sát với thực tế, dẫn đến khi đi vào triển khai, khảo sát, lập phương án bồi thường GPMB phát sinh chi phí GPMB cao hơn so với dự toán đề xuất, gây ảnh hưởng đến cân đối trong tổng mức đầu tư thực hiện dự án dẫn đến phải rà soát điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022 đối với những dự án gặp vướng mắc trên sang dự án có khả năng giải ngân, các chủ đầu tư đã cam kết giải ngân kế hoạch vốn sau điều chỉnh đạt 100%.

- Năm 2022 là năm thứ hai triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nên trong năm 2022 bắt đầu khởi công mới nhiều dự án (83 dự án), việc triển khai các thủ tục đầu tư dự án thường mất nhiều thời gian tuy nhiên một số chủ đầu tư chậm hoàn thiện thủ tục để triển khai thi công, đến hết quý III/2021 mới hoàn thành thủ tục. Hai công trình trọng điểm liên kết vùng do Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh làm chủ đầu tư: Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê (giai đoạn 2); Nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông, trong kế hoạch vốn NSTW năm 2022 được bố trí vốn có tỷ trọng lớn (chiếm 30,7% tổng kế hoạch), tuy nhiên công tác triển khai còn chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân chung của kế hoạch (đến ngày 15/11/2022 hai công trình này mới giải ngân được 18.345 triệu đồng/378.000 triệu đồng, đạt 4,9%).

- Đối với các dự án ODA: Các quy trình, thủ tục và chính sách thực hiện dự án rất phức tạp, các dự án khi thực hiện phải vừa phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, vừa phải tuân thủ các điều kiện của Nhà tài trợ, ngoài ra phương thức giải ngân rút vốn phải thực hiện các bước theo trình tự từ cơ quan trung ương đến địa phương dẫn đến việc thực hiện và giải ngân các dự án ODA còn chậm. Tuy nhiên, một phần trách nhiệm thuộc về các chủ đầu tư do không chủ động trong công tác quản lý, điều hành dự án, chậm phối hợp với Nhà tài trợ, công tác phối hợp giữa các đơn vị liên quan chưa chặt chẽ. Cụ thể một số dự án ODA giải ngân chậm như sau:

+ Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán, vay vốn ADB tỉnh Đắk Nông: Tỷ lệ giải ngân 0%, nguyên nhân do từ đầu năm 2022 đến nay, dự án thực hiện các thủ tục điều chỉnh dự án (Fs), hồ sơ thiết kế kỹ thuật - dự toán phải điều chỉnh và trình nhiều lần trong quá trình thẩm định do hồ sơ chưa phù hợp; đồng thời do dự án sử dụng vốn vay ADB nên các thủ tục đầu tư, hồ sơ thiết kế, hồ sơ mời thầu, quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng phải lấy ý kiến của Nhà tài trợ mất nhiều thời gian.

+ Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ - tỉnh Đắk Nông (SACCR - tỉnh Đắk Nông): Tỷ lệ giải ngân 0%, nguyên nhân do các nội dung triển khai chậm so với kế hoạch đề ra, cụ thể: theo quy định về hỗ trợ thủy lợi các hộ hưởng lợi phải được tiến hành rà soát, kiểm chứng thông tin, sau đó gửi kết quả để Nhà tài trợ và Ban CPO trung ương trực tiếp kiểm tra lại nên mất nhiều thời gian, mặt khác, các ao phân bố khắp các thôn của 16 xã dự án, một số ao ở vị trí hiểm trở, thời điểm rà soát vào mùa mưa... gây khó khăn rất lớn trong việc rà soát, lựa chọn đảm bảo tiêu chí theo quy định. Đồng thời do Ban trung ương chưa ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án, vì vậy thiếu cơ sở, căn cứ áp dụng để dự án triển khai, ảnh hưởng phần nào đến việc thực hiện dự án.

- Một số dự án có tính chất đặc thù, như: Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả, vay vốn Ngân hàng Thế giới được thực hiện theo cơ chế tài chính riêng theo quy định của Ngân hàng Thế giới, vay vốn dựa trên kết quả, quy trình rút vốn hàng năm rất phức tạp, do đó

các chủ đầu tư công trình, cơ quan điều phối gặp rất nhiều khó khăn trong việc hoàn thiện các thủ tục để đủ điều kiện rút vốn. Ngoài ra, công tác phối hợp giữa UBND huyện (*Chủ đầu tư*) và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Cơ quan điều phối chương trình cấp tỉnh*) chưa được chặt chẽ, dẫn đến hàng năm Chương trình chậm hoàn thiện thủ tục giải ngân.

+ Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Đăk Nông: Dự án thực hiện 02 gói thầu xây dựng giao thông lớn (*bao gồm: (1) Đầu tư nâng cấp 14km đường giao thông tại Tỉnh lộ 686, 4km đường giao thông tại Tỉnh lộ 681 và 1 cầu mới, (2) Đầu tư nâng cấp 19km đường giao thông Quốc lộ 14 đến cửa khẩu Bu Prăng*), do trong năm 2022 giá các vật liệu xi măng, cát, đá trên thị trường tăng mạnh ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện các công trình giao thông, dự án đã phải thực hiện rà soát và điều chỉnh dự án. Ngoài ra, ngày 16/12/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 114/2021/NĐ-CP, trong đó quy định các loại thuế, phí phải sử dụng nguồn vốn đối ứng để thanh toán, không sử dụng nguồn vốn ODA. Do đó, số vốn ODA của dự án hiện đang dôi dư so với chi phí hạng mục đầu tư được phê duyệt.

- Đối với việc triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia:

+ Việc ban hành các quy định, hướng dẫn của Trung ương còn chậm và chồng chéo (kinh phí được trung ương thông báo bổ sung vào giữa năm 2022 nhưng hầu hết các bộ, ngành, cơ quan trung ương có văn bản hướng dẫn thực hiện sau thời điểm này, dẫn đến khi địa phương đã hoàn thành việc phân bổ chi tiết dự toán kinh phí cho các cơ quan, đơn vị và địa phương để thực hiện kịp thời thì nội dung/dự án thành phần không đúng nội dung hướng dẫn của cơ quan trung ương, cần phải điều chỉnh hoặc không đủ cơ sở triển khai thực hiện do không có căn cứ xác định đối tượng thụ hưởng, nội dung chi và mức chi).

+ Năm 2022 là năm đầu thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, địa phương (UBND tỉnh, HƢND tỉnh) phải xây dựng và ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật (*việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải bảo đảm trình tự và thời gian quy định*), dẫn đến địa phương gặp “lúng túng”, chưa kịp thời ban hành văn bản như quy định (đến nay chỉ mới hoàn thành 7/14 nhiệm vụ).

+ Việc xây dựng danh mục công trình đầu tư thuộc các chương trình MTQG được thực hiện từ cấp thôn, bon để lấy ý kiến đóng góp, đồng thuận triển khai thực hiện từ cộng đồng dân cư đối với việc đầu tư xây dựng các công trình nên mất nhiều thời gian để các địa phương triển khai thực hiện.

Phần II: KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

I. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2023:

Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế

hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023. Việc phân bổ vốn phải bảo đảm nguyên tắc, tiêu chí theo đúng Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh và Hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 7248/BKHĐT-TH ngày 12/10/2022 về việc dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023.

Bám sát quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ chủ yếu tại Kết luận số 97-KL/TU ngày 22/4/2021 của Hội nghị Chuyên đề Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Nông khóa XII, nhiệm kỳ 2020-2025. Góp phần hiện thực hóa các quan điểm, mục tiêu, các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược nhiệm kỳ 2020-2025 mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đã đề ra. Tập trung đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, dự án trọng điểm có tính kết nối, tác động lan tỏa tới phát triển liên vùng, vùng và địa phương, dự án công nghệ thông tin... góp phần thúc đẩy tăng trưởng, tạo ra động lực mới, không gian mới cho phát triển kinh tế trong thời gian tới.

Phù hợp với khả năng bố trí nguồn lực đầu tư công và khả năng giải ngân thực tế; bố trí vốn tập trung, tránh dàn trải, lãng phí, trong đó tập trung đầu tư cho các dự án trọng điểm, liên vùng, các dự án có sức lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và các dự án thanh toán nợ, chuyển tiếp có khả năng giải ngân để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành, đưa vào sử dụng. Chỉ bố trí vốn cho dự án đã đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, phù hợp với quy hoạch.

II. Tổng kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023:

1. Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023 theo Thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Theo thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 7248/BKHĐT-TH ngày 12/10/2022, dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 là 3.137.763 triệu đồng, trong đó:

1.1. Vốn ngân sách địa phương là 1.088.143 triệu đồng, tăng 21,41% so với năm 2022, gồm:

- Nguồn thu sử dụng đất là 550.000 triệu đồng, tăng 44,74% so với năm 2022.

- Nguồn thu xổ số kiến thiết là 27.000 triệu đồng, giảm 3,57% so với năm 2022.

- Nguồn cân đối ngân sách địa phương là 463.943 triệu đồng, tăng 5,1% so với năm 2022.

- Nguồn bội chi ngân sách địa phương là 47.200 triệu đồng, giảm 0,85% so với năm 2022.

1.2. Vốn ngân sách trung ương là 2.049.620 tỷ đồng, tăng 28,84% so với năm 2022, gồm:

- Vốn trong nước là 1.923.890 triệu đồng, tăng 56,09% so với năm 2022.
- Vốn nước ngoài là 125.730 triệu đồng, tăng 48,82% so với năm 2022.

2. Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 của địa phương:

Tổng kế hoạch vốn năm 2023 của cấp tỉnh là 3.473.163 triệu đồng, cụ thể như sau:

a) Vốn ngân sách địa phương: Dự kiến kế hoạch năm 2023 là 1.423.543 triệu đồng (*theo thông báo của Sở Tài chính tại Công văn số 2234/STC-QLNS ngày 11/11/2022*), gồm:

- Dự kiến nguồn thu sử dụng đất: 735.400 triệu đồng.
- Dự kiến nguồn thu xổ số kiến thiết: 27.000 triệu đồng.
- Dự kiến nguồn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí định mức: 463.943 triệu đồng.
- Dự kiến nguồn bội chi ngân sách địa phương: 47.200 triệu đồng, vay lại của Chính phủ để bố trí cho các dự án ODA.

- Nguồn bổ sung từ nguồn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, nguồn tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách hàng năm và các nguồn vốn hợp pháp khác là 150.000 triệu đồng (*bao gồm bố trí cho dự án Đường cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) là 100.000 triệu đồng nguồn sử dụng đất*).

b) Vốn ngân sách trung ương: Dự kiến tổng kế hoạch vốn là 2.049.620 triệu đồng, bao gồm:

- Nguồn ngân sách trung ương trong nước hỗ trợ theo tiêu chí, định mức: Tổng kế hoạch vốn được dự kiến: kế hoạch năm 2023 nguồn ngân sách trung ương trong nước được trung ương dự kiến, thông báo là 1.115.600 triệu đồng, trong đó: bố trí theo ngành, lĩnh vực 865.600 triệu đồng (bố trí tối thiểu để thu hồi ứng là 16.110 triệu đồng), bố trí tối thiểu cho dự án trọng điểm, liên kết vùng là 250.000 triệu đồng.

- Nguồn ngân sách trung ương vốn nước ngoài: Dự kiến kế hoạch vốn nước ngoài năm 2023 là 125.730 triệu đồng.

- Nguồn ngân sách trung ương cho Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: Tổng kế hoạch vốn được dự kiến là 262.000 triệu đồng.

- Vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: 546.290 triệu đồng, gồm:

+ Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 265.221 triệu đồng.

+ Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 162.989 triệu đồng.

+ Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới: 118.080 triệu đồng.

III. Phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023:

Căn cứ các nguyên tắc, mục tiêu, định hướng được Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tại Công văn số 7248/BKHĐT-TH ngày 12/10/2022 và định hướng phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, phương án dự kiến phân bổ vốn năm 2023, cụ thể như sau:

1. Vốn ngân sách địa phương:

(1) Dự kiến phân bổ nguồn thu sử dụng đất 735.400 triệu đồng {không bao gồm 100.000 triệu đồng bố trí cho dự án Đường cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)}; sau khi trích lập quỹ phát triển đất và quỹ đo đạc bản đồ cấp tỉnh 229.200 triệu đồng, phân cấp cho cấp huyện 322.000 triệu đồng; còn lại 184.200 triệu đồng do cấp tỉnh quản lý để dự kiến bố trí cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2023 và sau năm 2023.

(2) Dự kiến phân bổ nguồn xổ số kiến thiết 27.000 triệu đồng cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2023 và sau năm 2023.

(3) Dự kiến nguồn cân đối ngân sách địa phương theo chỉ định mức: 463.943 triệu đồng, sau khi phân cấp 30% cho ngân sách cấp huyện (theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh), còn lại cấp tỉnh quản lý 324.760 triệu đồng, được phân bổ như sau:

+ Bố trí thanh toán, quyết toán: 16.364 triệu đồng.

+ Bố trí cho các dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2022: 15.600 triệu đồng.

+ Bố trí đối ứng cho các dự án ODA: 11.545 triệu đồng.

+ Bố trí đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 15.000 triệu đồng.

+ Bố trí cho các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023: 157.451 triệu đồng.

+ Bố trí cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023: 103.900 triệu đồng.

+ Bố trí khởi công mới năm 2023 cho 04 dự án là 4.900 triệu đồng.

(4) Dự kiến bố trí số vốn vay lại của Chính phủ để bố trí cho các dự án ODA đảm bảo theo tỷ lệ vay đã thỏa thuận: 47.200 triệu đồng.

(5) Dự kiến phân bổ nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách hằng năm, một phần nguồn dự phòng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn của địa phương và các nguồn hợp pháp khác:

- Đề triển khai thực hiện dự án Đường cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước): 100.000 triệu đồng;

- Cấp tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi là 9.525 triệu đồng;

- Cấp tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 11.246 triệu đồng;

- Trả nợ gốc các khoản địa phương vay lại từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài là 8.500 triệu đồng;

- Hỗ trợ thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho lực lượng Công an xã Chính quy giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là 10.346 triệu đồng (*dự kiến hỗ trợ cho các công trình đã khởi công của Công an tỉnh, huyện Krông Nô*).

- Kinh phí hỗ trợ thực hiện GPMB cho dự án Bệnh viện đa khoa chuyên sâu theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/9/2019 của HĐND tỉnh là 8.300 triệu đồng;

- Xây dựng khu số 2 thuộc khu quy hoạch dân cư Sùng Đức 131,5ha (kinh phí thực hiện phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng) là 957 triệu đồng;

- Đường tránh đô thị Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (kinh phí thực hiện phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng) là 1.126 triệu đồng.

2. Vốn ngân sách trung ương:

(1) Nguồn ngân sách trung ương trong nước hỗ trợ theo tiêu chí, định mức:

- Dự kiến bố trí cho các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2022 là 16.110 triệu đồng, đảm bảo bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2022 theo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên trung ương quy định; trong đó: bố trí để thu hồi ứng là 16.110 triệu đồng, đảm bảo theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản thông báo nêu trên;

- Dự kiến bố trí cho các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023 là 36.463 triệu đồng (do bố trí lại số vốn đã đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh giảm kế hoạch năm 2022 đối với 02 dự án Đường giao thông từ thị trấn Kiến Đức đi liên xã Kiến Thành - Nhân Cơ - Nhân Đạo, Nâng cấp các trục đường giao thông chính thị trấn Đắk Mil), đảm bảo bố trí đủ vốn cho dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2023 theo quy định về thời gian bố trí vốn theo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên trung ương quy định; trong đó: bố trí lại trong kế hoạch vốn ngân sách trung ương cho dự án Nâng cấp các trục đường giao thông chính thị trấn Đắk Mil là 7.007 triệu đồng, do bị hủy dự toán năm 2021, theo đúng chủ trương của Chính phủ tại Điểm 4, mục III của Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 08/6/2022; đề xuất giãn tiến độ thực hiện sang năm 2023 đối với dự án Hồ Gia

Nghĩa do trong năm 2022 vướng mắc GPMB, không thể hoàn thiện dự án theo đúng thời gian thực hiện.

- Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023 là 996.527 triệu đồng.
- Bố trí đối ứng ODA: 3.500 triệu đồng
- Bố trí chuẩn bị đầu tư là 3.000 triệu đồng.
- Bố trí cho các dự án trọng điểm, liên kết vùng: 280.000 triệu đồng.
- Bố trí 60.000 triệu đồng cho các dự án khởi công mới năm 2023, đảm bảo hoàn thiện thủ tục đầu tư của các dự án trước khi giao chi tiết kế hoạch vốn năm 2023 (trước ngày 31/12/2022).

(2) Nguồn ngân sách trung ương vốn nước ngoài: 125.730 triệu đồng, dự kiến bố trí cho 04 dự án chuyển tiếp, hoàn thành, đảm bảo tiến độ Hiệp định đã ký kết.

(3) Nguồn ngân sách trung ương cho Chương trình phục hồi và Phát triển kinh tế: dự kiến bố trí 262.000 triệu đồng cho 05 dự án theo danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ giao.

(4) Vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết riêng.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II, III, IV, V đính kèm)

IV. Giải pháp thực hiện:

1. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn Luật, các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy; phân đầu giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023.

2. Nâng cao chất lượng trong công tác lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật (bao gồm: tư vấn khảo sát, thiết kế, tư vấn giám sát, thi công, quản lý dự án), bảo đảm lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực thực hiện dự án.

3. Không thực hiện điều chỉnh tăng quy mô dự án hoặc bổ sung hạng mục của dự án làm tăng tổng mức đầu tư của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với UBND các huyện, thành phố nếu đề xuất điều chỉnh tổng mức đầu tư thì phải tự cân đối nguồn vốn để hoàn thành dự án theo quy định.

4. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các chủ đầu tư phải thực hiện phân công 01 lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện từng dự án, lập kế hoạch giải ngân đến từng dự án, đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho từng dự án; trường hợp vượt thẩm quyền thì tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý. Đồng thời, cam kết giải ngân đối với từng dự án, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân, coi đây là căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2023.

5. Các sở chuyên ngành nâng cao chất lượng giải quyết các thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán; tăng cường công tác quản lý nhà nước về chi phí đầu tư xây dựng, chất lượng công trình theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

6. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân, cán bộ, công chức vi phạm quy định pháp luật hoặc cố tình cản trở, gây khó khăn, làm chậm tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Thay thế kịp thời những cán bộ, công chức yếu kém về năng lực, trình độ hoặc suy thoái về đạo đức nghề nghiệp, gây những nhiễu, tiêu cực hoặc thao túng, chi phối trong công tác quản lý vốn đầu tư công, lựa chọn nhà thầu.

7. Thực hiện hiệu quả công tác giải phóng mặt bằng: các đồng chí Bí thư, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố trực tiếp kiểm tra thực địa dự án; trực tiếp gặp dân, tổ chức đối thoại, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người dân, thực hiện vận động chấp hành các quy định của nhà nước; kịp thời xử lý khiếu nại, không để làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện dự án. Kiên quyết xử lý, cưỡng chế đối với các trường hợp lợi dụng các chính sách của nhà nước để trục lợi, ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Phối hợp tích cực đối với các chủ đầu tư có dự án trên địa bàn để sớm hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng.

8. Chủ động điều chỉnh hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 để thúc đẩy giải ngân và nâng cao hiệu quả đầu tư, thời gian thực hiện công giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 như sau:

- Đối với các dự án đã quyết toán hoàn thành, đến ngày 30/6/2023 không giải ngân hết kế hoạch vốn được bố trí để tắt toán công trình, điều chuyển vốn cho các dự án khác có nhu cầu, các năm tiếp theo không bố trí vốn để chi trả cho các dự án này; chủ đầu tư tự cân đối nguồn vốn để thanh toán nợ và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh.

- Cắt giảm kế hoạch vốn năm 2023 của các dự án triển khai thực hiện chậm tiến độ, chậm giải ngân vốn theo nguyên tắc: (1) Đối với dự án khởi công mới năm 2023, đến hết tháng 9/2023 tỷ lệ giải ngân đạt dưới 60% kế hoạch hoặc đến hết tháng 10/2023 tỷ lệ giải ngân đạt dưới 70% kế hoạch thì cắt giảm vốn để bổ sung cho các dự án khác. (2) Đối với dự án chuyển tiếp, đến hết tháng 6/2023 tỷ lệ giải ngân đạt dưới 70% hoặc đến hết tháng 9/2023 tỷ lệ giải ngân đạt dưới 80% kế hoạch thì cắt giảm vốn để bổ sung cho các dự án khác.

9. Công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra trong quá trình đầu tư công; chống tham nhũng, thất thoát lãng phí trong đầu tư công. Trong đó, đặc biệt đề cao vai trò tham gia giám sát của cộng đồng dân cư trong vùng ảnh hưởng của dự án, nâng cao trách nhiệm giải trình của chủ đầu tư và các bên liên quan đến dự án. Xác định rõ trách nhiệm trực tiếp của người đứng đầu cơ quan, tổ chức đối với hiệu quả kinh tế - xã hội của các dự án đầu tư. Xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật, tham nhũng, gây thất thoát, lãng phí trong đầu tư công.

10. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công định kỳ hoặc đột xuất theo chế độ báo cáo quy định; đánh giá kết quả thực hiện, những tồn tại, hạn chế và đề xuất kiến nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc.

Để kịp thời cho các cơ quan của HĐND tỉnh thẩm tra, trình Kỳ họp thứ năm HĐND tỉnh, UBND tỉnh xây dựng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 của tỉnh trên cơ sở thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 7248/BKHĐT-TH ngày 12/10/2022 về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023. Trường hợp Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định giao vốn của Thủ tướng Chính phủ có nội dung khác, UBND tỉnh sẽ kịp thời điều chỉnh, báo cáo HĐND tỉnh.

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 (như dự thảo Nghị quyết kèm theo)!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoan
Hồ Văn Mười

Phụ lục I

TỔNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 705/BC-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
	TỔNG SỐ	3.473.163	
I	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.423.543	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	735.400	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	27.000	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	463.943	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	47.200	
-	Nguồn bổ sung từ nguồn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, nguồn tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách hằng năm và các nguồn vốn hợp pháp khác	150.000	Trong đó bao gồm 100.000 triệu đồng từ nguồn thu sử dụng đất để đầu tư Đường cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)
II	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.049.620	
1	Vốn trong nước	1.923.890	
	<i>Bao gồm:</i>		
-	<i>Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu</i>	<i>1.115.600</i>	
-	<i>Vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia</i>	<i>546.290</i>	
+	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	265.221	
+	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	162.989	
+	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	118.080	
-	<i>Từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>	<i>262.000</i>	
2	Vốn nước ngoài	125.730	



Phụ lục II
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số 705 /BC-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến năm 2022	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
						Tổng số	NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG										
A	NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT										
I	Trích lập Quỹ phát triển đất										
II	Trích lập quỹ đo đạc bản đồ cấp tỉnh (10% thu cấp tỉnh)									1.423.543	
III	Phân cấp cho cấp huyện									735.400	
VI	Đầu tư các dự án cấp tỉnh									198.800	
VI.1	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023									30.400	
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp									322.000	
1.1	Trường Cao đẳng cộng đồng tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa		300/QĐ-TTg ngày 25/2/2020; 1078/QĐ-UBND ngày 24/7/2020	1.366.200	888.441	470.109	165.725	184.200	
2	Các hoạt động kinh tế										
	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>										
2.1	Di dời tái định cư cho 212 hộ dân ở khu vực trung tâm thành phố Gia Nghĩa	Ban QJDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2021-2024	1871/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	400.000	400.000	400.000	152.900	154.700	
	<i>Giao thông</i>										
2.2	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư cho Cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa (khu tái định cư B)	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa		1699/QĐ-UBND ngày 22/10/2010	389.492	389.492	19.000	8.500	10.500	



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến năm 2022	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	TMBT NSDP				
3	<i>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội</i>										
3.1	Công viên hoa Thanh niên và Khu vui chơi, giải trí thanh thiếu nhi tỉnh Đắk Nông	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2021-2023	371/QĐ-SXD ngày 25/12/2020	14.500	14.500	4.325	10.000		
B	NGUỒN XỐ SÓ KIẾN THIẾT										
I	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023										
<i>I.1</i>	<i>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</i>										
1	Xây dựng nhà bộ môn, nhà đa năng, khu giáo dục thể chất và hạ tầng kỹ thuật Trường Phổ thông DTNT THCS & THPT huyện Tuy Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tuy Đức	2021-2023	302/QĐ-SXD ngày 02/12/2020	10.000	10.000	7.000	2.000		
2	Cải tạo cơ sở 2 Trường Cao đẳng Công đồng Đắk Nông	Trường Cao đẳng công đồng tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2021-2023	328/QĐ-SXD ngày 10/12/2020	7.500	7.500	6.800	477	220/QĐ-STC ngày 03/11/2022	
3	Trường THPT Đắk Glong (giai đoạn 3), hạng mục: 08 phòng học bộ môn cùng trang thiết bị kèm theo; Khu thể dục thể chất và hệ thống tương rào xung quanh	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2021-2023	331/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	10.000	10.000	6.500	2.000		
<i>I.2</i>	<i>Y tế, dân số và gia đình</i>										
I	Nhà Đa khoa Kỹ thuật thuộc Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp	Sở Y tế	Đắk R'lấp	2021-2023	1904/QĐ-UBND ngày 22/12/2020	33.991	33.991	18.200	5.523		
II	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023										
<i>II.1</i>	<i>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</i>										
						67.300	67.300	14.342	17.000		



STT	Danh mục dự án:	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến năm 2022	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	TMDT				
1	Xây dựng nhà bộ môn, nhà đa năng, cải tạo khối phòng học 02 tầng thành nhà thư viện, khu giáo dục thể chất và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Lê Duẩn, huyện Đắk Glong	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đắk Glong	2022-2024	303/QĐ-SXD ngày 02/12/2020	10.000	10.000	2.342	3.000		
2	Xây dựng Hội trường, bể bơi Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Gia Nghĩa	2022-2024	2352/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	10.000	10.000	2.000	3.000		
II.2	Y tế, dân số và gia đình										
1	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm y tế huyện Đắk Song	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Song	2022-2024	2313/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	30.300	30.300	5.000	6.000		
2	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm y tế huyện Đắk Glong	Sở Y tế	Đắk Glong	2022-2024	1930/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	5.000	5.000	1.500	1.500		
II.3	Xã hội										
1	Xây dựng Nhà đa chức năng, nhà bảo vệ và hạ tầng kỹ thuật Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Đắk Nông	Sở Giáo dục và Đào tạo	Gia Nghĩa	2022-2024	2119/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	12.000	12.000	3.500	3.500		
C	NGUỒN CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II+III)										
I	Phân cấp cho cấp huyện (30%)										
1	Huyện Cư Jút								463.943		
2	Huyện Krông Nô								139.183		
3	Huyện Đắk Glong								17.346		
4	Huyện Đắk Mil								14.854		
5	Huyện Đắk Song								21.132		
6	Huyện Tuy Đức								16.174		
7	Huyện Đắk R'lấp								14.389		
8	Thành phố Gia Nghĩa								20.181		
II	Để lại đầu tư cấp tỉnh (70%)								16.120		
II.1	Bố trí thanh toán, quyết toán								18.987		
						337.472	229.694	18.691	16.364		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến năm 2022	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	TMDT				
1	Quốc phòng										
1.1	Xây dựng chốt chiến đấu dẫn quân thường trực tại xã biên giới Thuận Hạnh, huyện Đắk Song (công trình cấp bách)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đắk Song	2020-2021	279/QĐ-SXD ngày 09/11/2020; 6547/UBND-KTTH ngày 11/11/2021	1.169	1.169	1.169		1.169	Bổ sung chi phí GPMB được UBND tỉnh thông nhất tại Công văn số 6547/UBND-KTTH ngày 11/11/2021
1.2	Nhà khách, Khu huấn luyện thể dục thể thao eBB994 Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đắk Glong	2019-2021	208/QĐ-SXD 30/10/2018	7.950	7.950	1.043		1.043	15/QĐ-STC ngày 29/01/2021
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội										
2.1	Hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở cán bộ, chiến sĩ Công an tỉnh Đắk Nông (Khu hồ Đại La) hoàn thiện giai đoạn 1 và đường vào khu dự án	Công an tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2019-2021	213/QĐ-SXD 30/10/2018	10.889	10.889	1.512		1.512	26/QĐ-STC ngày 02/3/2022
2.2	Sửa chữa, xây dựng khu nhà làm việc và nhà truyền thông - thư viện Công an tỉnh	Công an tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2019-2021	209/QĐ-SXD 30/10/2018	7.773	7.773	254		254	157/QĐ-STC ngày 04/11/2021
2.3	Hỗ trợ Tiền thuê nhà cho các hộ dân bị thu hồi đất thuộc các dự án do Công an tỉnh làm chủ đầu tư	Công an tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa					2.826		2.826	Được UBND tỉnh thống nhất hỗ trợ tại Công văn số 2194/UBND-KT ngày 28/4/2022
3	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp										
3.1	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Bình Khiêm; hạng mục: Nhà lớp học bộ môn, nhà thư viện, bể nước PCCC và sân	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cư Jút	2020	290/QĐ-SXD ngày 20/12/2018	7.750	752	27		27	73/QĐ-STC ngày 4/5/2022
3.2	Nhà ăn, nhà cầu nối và ký túc xá Trường trung học phổ thông chuyên Nguyễn Chí Thanh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Gia Nghĩa	2019-2021	289/QĐ-SXD ngày 18/12/2019	19.802	1.457	862		862	09/QĐ-STC ngày 18/01/2022
3.3	Trung tâm ngoại ngữ tin học tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Gia Nghĩa	2015-2018	1359/QĐ-UBND ngày 12/9/2014	14.131	14.131	2		2	11/QĐ-STC ngày 20/01/2020

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến năm 2022	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	TMDT				
						NSDP					
3.4	Trường trung học phổ thông chuyên tỉnh Đắk Nông (giai đoạn 2)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Gia Nghĩa	2013-2020	2082/QĐ-UBND ngày 05/12/2013	67.475	46.462	251		251	41/QĐ-STC ngày 10/03/2022
3.5	Nhà công vụ giáo viên trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Tuy Đức	Ban QLDA và PTQĐ huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2016-2017	296/QĐ-UBND 18/3/2016	1.996	1.996	389		389	1550/QĐ-UBND ngày 20/07/2020
3.6	Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Tuy Đức (Gđ 1)	Ban QLDA và PTQĐ huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2012-2019	1776/QĐ-UBND ngày 20/11/2009, 416/QĐ-UBND ngày 25/3/2011; 1194/QĐ-UBND, ngày 21/9/2012	28.450	12.915	145		145	214/QĐ-STC ngày 31/12/2021
4	<i>Y tế, dân số và gia đình</i>										
4.1	Sửa chữa cục bộ một số hạng mục thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông	Sở Y tế	Gia Nghĩa	2017-2021	166/QĐ-SXD ngày 31/10/2016; 49/QĐ-SXD ngày 19/4/2017; 164/QĐ-SXD ngày 05/9/2018	8.572	8.572	645		645	23/QĐ-STC ngày 22/02/2022
4.2	Sửa chữa Bệnh viện đa khoa tỉnh phục vụ Đề án Bệnh viện vệ tinh	Sở Y tế	Gia Nghĩa	2018-2021	298/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	4.763	4.763	42		42	Số 22/QĐ-STC ngày 22/02/2022
4.3	Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức	Sở Y tế	Tuy Đức	2013-2015	1726/QĐ-UBND ngày 13/11/2009; 1423/QĐ-UBND ngày 31/10/2012	17.526	17.526	878		878	223/QĐ-STC ngày 31/12/2021
4.4	Trung tâm Y tế huyện Krông Nô	Sở Y tế	Krông Nô	2009-2012	1725/QĐ-UBND ngày 13/11/2009	10.977	10.977	422		422	53/QĐ-STC ngày 28/03/2022
4.5	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho 28 Trạm Y tế (ngoài các trạm y tế đã được đầu tư năm 2017)	Sở Y tế	28 Trạm Y tế	2019-2020	206/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	5.592	5.592	44		44	58/QĐ-STC ngày 31/3/2022
5	<i>Phát triển, truyền hình, thông tin</i>										
5.1	Nhà bao che đặt máy phát sóng xã Quảng Phú, huyện Krông Nô	Đại Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Krông Nô	2013-2016	41/QĐ-SKH, 22/3/2013; 49/QĐ-SXD 20/4/2016	3.937	3.937	464		464	186/QĐ-STC ngày 10/12/2021

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến năm 2022	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	TMDT				
	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>										
1.1	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (dự án VnSAT), tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông	Đắk Nông	2015-2022	1992/QĐ-BNN ngày 29/5/2015; 2470/QĐ-BNN-HTQT ngày 30/6/2020	327.590	52.970	21.000	5.892	2.400	
1.2	Sửa chữa và Nâng cao an toàn đập (WB8), tỉnh Đắk Nông	Ban quản lý nếu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	Đắk Nông	2016-2022	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/04/2015; 1679/QĐ-UBND ngày 08/10/2021	240.159	22.669	2.108	1.608	145	
1.3	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Đắk Nông	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Nông	2017-2023	1288/QĐ-UBND ngày 26/4/2016; 919/QĐ-UBND ngày 1/6/2017; 419/QĐ-UBND ngày 12/4/2021	568.858	27.996	11.996	-	5.000	
1.4	Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán, vay vốn ADB tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh									
-	<i>Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Cư Jút tỉnh Đắk Nông</i>		Huyện Cư Jút	2018-2024	1074/QĐ-UBND ngày 11/7/2018, 662/QĐ-UBND ngày 09/5/2019	216.653	44.601	37.622	1.461	2.000	
-	<i>Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mil tỉnh Đắk Nông</i>		Huyện Đắk Mil	2018-2024	1073/QĐ-UBND, ngày 11/7/2018, 663/QĐ-UBND ngày 09/5/2019	300.062	60.937	46.773	1.363	2.000	
II.4	Đổi ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia					755.120	52.000	52.000	6.400	15.000	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới					755.120	52.000	52.000	6.400	15.000	
II.5	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023					2.276.774	2.250.326	1.889.036	670.793	157.451	
I	Quốc phòng										



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến năm 2022	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
						Tổng số	NSDP				
1.1	Đầu tư xây dựng Nhà kho pháo (Công trình cấp bách)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Đắk Song	2021-2023	330/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	4.500	4.500	2.500	1.500		
1.2	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Thuận An, huyện Đắk Mil	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Đắk Mil	2021-2023	1836/QĐ-BTL ngày 14/12/2020	6.709	6.709	2.000	3.000		
1.3	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Đắk Lao, huyện Đắk Mil	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Đắk Mil	2021-2023	1837/QĐ-BTL ngày 14/12/2020	6.661	6.661	2.000	2.500		
1.4	Thao trường huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, hạng mục: Sân tập mật bẫy, kê ổ mìn taluy, công thoát nước	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Krông Nô	2021-2023	343/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	3.200	3.200	2.000	700		
1.5	Doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện Đắk Mil. Hạng mục: Nhà hội trường	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Đắk Mil	2021-2023	340/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	3.700	3.700	2.423	700		
1.6	Doanh trại ĐBB301/eBB994/Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Nông. Hạng mục: Nhà hội trường	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Đắk Glong	2021-2023	346/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	8.700	8.700	4.850	1.500		
1.7	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường vào đồn Biên phòng Đắk Dang (769)	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông	Tuy Đức	2021-2023	2411/QĐ-SGTVT ngày 11/11/2020	10.000	10.000	7.918	1.000		
1.8	Cải tạo, sửa chữa trụ sở cơ quan Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2021-2023	293/QĐ-SXD ngày 18/11/2020	7.000	7.000	6.200	400		
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội										
2.1	Sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở doanh trại và nhà làm việc nghiệp vụ cảnh sát	Công an tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2021-2023	317/QĐ-SXD ngày 09/12/2020	14.500	14.500	7.688	3.000		
2.2	Sửa chữa, cải tạo hệ thống mương thu nước Công an tỉnh	Công an tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2021-2023	311/QĐ-SXD ngày 08/12/2020	2.500	2.500	1.613	500		
2.3	Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo nhà làm việc Trại tạm giam của Công an tỉnh Đắk Nông	Công an tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2021-2023	310/QĐ-SXD ngày 08/12/2020	3.000	3.000	2.000	500		
2.4	Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo nhà làm việc Phòng Cảnh sát cơ động (trụ sở làm việc Công an thành phố Gia Nghĩa cũ)	Công an tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2021-2023	292/QĐ-SXD ngày 24/11/2020	2.400	2.400	1.563	500		
2.5	Sửa chữa, nâng cấp Trường bán của Công an tỉnh	Công an tỉnh Đắk Nông	Đắk Song	2021-2023	296/QĐ-SXD ngày 01/12/2020	3.347	3.347	2.174	500		



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến năm 2022	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	NSDP				
3	<i>Văn hóa, thông tin</i>										
3.1	Chống xuống cấp tu bổ di tích địa điểm lưu niệm N'Trang Gur, xã Buôn Choanh, huyện Krông Nô; hạng mục: Nhà Bia tưởng niệm và hạ tầng kỹ thuật	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Krông Nô	2021-2023	376/QĐ-SXD ngày 28/12/2020	3.000	3.000	2.300	300		
3.2	Trung tâm thông tin Công viên địa chất huyện Krông Nô	Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Krông Nô	Krông Nô	2021-2023	2991/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	6.000	6.000	4.000	2.000		
4	<i>Phát thanh, truyền hình, thông tin</i>										
4.1	Đầu tư hệ thống thiết bị sản xuất, phát sóng chương trình phát thanh, hệ thống thiết bị và phần mềm truyền thông hội tụ	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Gia Nghĩa	2021-2023	2004/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	24.700	24.700	10.615	5.000		
5	<i>Các hoạt động kinh tế</i>										
a	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>										
5.1	Dự án Xây dựng 10 trạm quản lý bảo vệ rừng tại các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đắk Nông	2021-2023	367/QĐ-SXD ngày 22/12/2020	14.999	14.999	3.250	5.000		
5.2	Công, hàng rào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông	Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2021-2023	324/QĐ-SXD ngày 10/12/2020	6.197	6.197	5.088	500		
b	<i>Giao thông</i>										
5.3	Đường giao thông từ thôn 1 vào vùng đồng bào dân tộc Mông thôn 5 tầng, xã Đắk R'Là, huyện Đắk Mil đến xã Cư K'nia, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Mil; Cư Jút	2021-2023	1762/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	79.000	79.000	20.130	12.000		
5.4	Hạ tầng kỹ thuật kết nối khu vực đồi Đắk Nur	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa	2021-2023	1827/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	77.000	77.000	27.993	10.000		
5.5	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Thánh Tông, thành phố Gia Nghĩa	Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2021-2023	1851/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	70.000	70.000	21.000	8.000		
5.6	Đường giao thông từ Quốc lộ 28 nối với đường liên xã Quảng Khê - Đắk Ha	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2021-2023	2642/QĐ-SGTVT ngày 08/12/2020	14.181	14.181	8.000	2.500		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến năm 2022	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	NSDP				
5.7	Đường nối dài từ thôn 10 xã Quảng Hòa đi Quảng Sơn	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2021-2023	2700/QĐ-SGTVT ngày 11/12/2020	14.000	14.000	12.600	7.900	2.500	
5.8	Đường giao thông liên xã Quảng Tín - Đắk Ngo huyện Tuy Đức	Ban QLDA & PT quỹ đất huyện Đắk Rlấp	Đắk Rlấp	2021-2023	1732/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	30.000	30.000	27.000	11.962	5.000	
5.9	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Hữu Trác, thị trấn Kiên Đức đi xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức	Ban QLDA & PT quỹ đất huyện Đắk Rlấp	Đắk Rlấp	2021-2023	1862/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	40.000	38.400	34.560	16.300	5.000	
5.10	Đường giao thông từ xã Nam Đá đi xã Đắk Drô, huyện Krông Nô (DH65)	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2021-2023	1746/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	20.000	19.700	17.730	10.100	3.000	
5.11	Đường từ xã Đắk Drô đi xã Năm Nung, huyện Krông Nô (DH 59)	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2021-2023	1715/QĐ-UBND ngày 16/11/2020	20.000	20.000	18.000	10.300	3.071	
5.12	Đường giao thông xã Nam Dong đi Đắk Drông - Đắk Wil	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2021-2023	1816/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	58.000	58.000	52.200	22.800	8.000	
5.13	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ ngã tư Phan Chu Trinh và xã Nam Dong; hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2021-2023	1866/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	50.000	50.000	45.000	16.000	8.000	
5.14	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Tâm Thắng - Ea Ting; hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2021-2023	1902/QĐ-UBND ngày 22/12/2020	30.000	30.000	27.000	12.300	6.000	
5.15	Đường giao thông từ cửa khẩu Đắk Per, xã Thuận An đi tỉnh lộ (ĐT.683) xã Đức Minh, huyện Đắk Mil (giai đoạn 1)	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2021-2023	1864/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	36.000	32.000	28.800	15.200	5.000	
5.16	Đường giao thông liên xã Đắk R'La đi xã Đắk N'Drót, huyện Đắk Mil	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2021-2023	1850/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	49.407	45.432	40.889	18.000	7.000	
5.17	Nâng cấp các tuyến đường giao thông thị trấn Đức An kết nối với xã Nam Bình huyện Đắk Song	BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Song	Đắk Song	2021-2023	1853/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	42.000	42.000	33.300	17.000	7.000	
5.18	Nâng cấp đường giao thông liên xã Đắk N'drung - Thuận Hà	BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Song	Đắk Song	2021-2023	2455/QĐ-SGTVT ngày 16/11/2020	13.500	13.033	11.730	7.817	4.600	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gia KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến năm 2022	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	NSDP				
5.19	Đường giao thông liên xã Quảng Tân đi xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (ĐH 91 TD); HM: Xây dựng mới cầu nhịp 9m và đầu tư xây dựng 4,5Km đường.	BQLDA và PTOĐ huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2021-2023	2535/QĐ-SGTVT ngày 25/11/2020	14.950	14.950	13.455	7.196	2.700	
5.20	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông liên xã Đắk R'Ti và Quảng Tân, huyện Tuy Đức đi xã Đắk Wer, huyện Đắk R' Lấp.	BQLDA và PTOĐ huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2021-2023	1815/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	22.000	21.670	19.503	9.200	5.000	
5.21	Tuyến đường giao thông liên xã Đắk R'Ti đi xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (đoạn từ cầu Suối Đắk R' lạp đầu nối với đường vào xã Đắk Ngo).	BQLDA và PTOĐ huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2021-2023	1856a/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	25.000	24.000	21.600	9.250	6.000	
6	<i>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội</i>									-	
6.1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông	Sở Xây dựng	Gia Nghĩa	2021-2023	273/QĐ-SXD ngày 06/11/2020	3.000	3.000	3.000	2.750	217	187/QĐ-STC ngày 21/10/2022
6.2	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Gia Nghĩa	2021-2023	326/QĐ-SXD ngày 10/12/2020	4.500	4.500	4.500	3.800	580	99/QĐ-STC ngày 30/5/2022
6.3	Hội trường đa năng và phòng họp trực tuyến thuộc trụ sở làm việc HĐND-UBND thành phố Gia Nghĩa	Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2021-2023	301/QĐ-SXD ngày 02/12/2020	14.998	14.998	13.498	9.900	1.800	
6.4	Xây dựng Trụ sở và kho lưu trữ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Gia Nghĩa	2021-2023	1854/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	27.688	27.688	24.919	10.000	6.000	
6.5	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Đắk Som	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2021-2023	325/QĐ-SXD ngày 10/12/2020	14.500	14.500	13.050	7.235	3.000	
6.6	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Đắk Ru	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk R' lạp	Đắk R' lạp	2021-2023	327/QĐ-SXD ngày 10/12/2020	14.048	14.048	12.643	7.250	3.000	
6.7	Trụ sở HĐND&UBND xã Đắk Nang	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2021-2023	294/QĐ-SXD ngày 25/11/2020	14.700	13.800	12.420	7.200	3.000	

STT	Danh mục cụ thể an	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến năm 2022	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	TMDT NSDP				
6.8	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Đắk R'Tiê; Hạng mục: Xây mới Nhà làm việc tổ một cửa, Nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc công an xã, Nhà xe, nhà vệ sinh, Hạ tầng kỹ thuật và Trang thiết bị	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2021-2023	298/QĐ-UBND ngày 01/12/2020	8.000	8.000	8.000	7.016	383	176/QĐ-STC ngày 09/8/2022
II.6	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023					764.875	756.437	612.903	167.016	103.900	
I	Quốc phòng										
1.1	Nâng cấp, cải tạo Bệnh xá Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk	Gia Nghĩa	2022-2024	342/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	3.000	3.000	3.000	1.631	500	
1.3	Nâng cấp, cải tạo Sở Chỉ huy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk	Gia Nghĩa	2022-2024	1735/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	5.000	5.000	5.000	2.500	700	
1.4	Cải tạo, nâng cấp Trạm kiểm soát Biên phòng cửa khẩu Bu Prăng/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Đắk Lắk	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Lắk	Tuy Đức	2022-2024	2038/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	7.000	7.000	7.000	2.000	1.000	
1.5	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường vào đồn Biên phòng Đắk Mhai (757) và đường vào Đồn Biên phòng Đắk Lao (759)	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Lắk	Đắk Mil	2022-2024	1481/QĐ-UBND ngày 06/09/2021	10.000	10.000	10.000	2.000	1.500	
1.6	Tường rào, thao trường huấn luyện Trình sát - Trình sát đặc nhiệm	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2024	2093/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	10.000	10.000	9.500	2.000	1.500	
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội									-	
2.1	Sửa chữa, cải tạo hệ thống thu thoát nước khu tạm giữ và xây dựng nhà ở doanh trại công an huyện Đắk Song	Công an tỉnh Đắk Lắk	Đắk Song	2022-2024	1736/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	5.500	5.500	5.500	1.500	1.000	
2.2	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp nhà tạm giữ của Công an huyện Đắk Mil và Đắk Riáp	Công an tỉnh Đắk Lắk	Đắk Mil, Đắk Riáp	2022-2024	1931/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	3.000	3.000	3.000	1.131	700	
2.3	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc Ban Giám đốc và khối trực thuộc Công an tỉnh	Công an tỉnh Đắk Lắk	Gia Nghĩa	2022-2024	1738/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	3.000	3.000	3.000	1.131	700	
2.4	Sửa chữa, cải tạo hệ thống thu thoát nước khu tạm giữ và xây dựng nhà ở doanh trại công an huyện Tuy Đức	Công an tỉnh Đắk Lắk	Tuy Đức	2022-2024	1737/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	5.500	5.500	5.500	1.500	1.000	



STT	Dan h mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gia KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến năm 2022	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	TMDT				
3	<i>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</i>										
3.1	Sửa chữa, cải tạo cơ sở hạ tầng cơ sở 2 - Trường Cao đẳng Công đồng Đắk Nông	Trường Cao đẳng Công đồng Đắk Nông	Gia Nghĩa	2022-2024	52/QĐ-SXD ngày 29/4/2022	13.000	13.000	5.000	1.000		
4	<i>Khoa học, công nghệ</i>										
4.1	Xây dựng Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số và đô thị thông minh tỉnh Đắk Nông	Sở Thông tin và Truyền thông	Gia Nghĩa	2022-2024	2366/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	57.000	57.000	7.000	6.000		
4.2	Đầu tư tăng cường năng lực kiểm định, hiệu chuẩn và thử nghiệm thuộc Trung tâm Thông tin, Kỹ thuật và Ứng dụng khoa học công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Gia Nghĩa	2022-2024	2404/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	12.000	12.000	2.000	2.000		
5	<i>Văn hóa, thông tin</i>										
5.1	Cải tạo nhà ngục Đắk Mít	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Mít	Đắk Mít	2022-2024	2095/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	10.000	10.000	2.000	1.500		
5.2	Tu sửa cấp thiết, bảo quản đình kỷ di tích lịch sử Căn cứ kháng chiến B4 - Liên tỉnh IV (1959-1975) tại Năm Nung, tỉnh Đắk Nông giai đoạn I	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	2058/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	10.000	10.000	2.000	1.500		
5.3	Trung tâm thông tin Công viên địa chất huyện Đắk Song	Ban QLDA và PTQĐ huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2024	2050/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	5.000	5.000	1.700	1.000		
5.4	Điểm dừng chân công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông	Ban QLDA và PTQĐ huyện Đắk Glông	Đắk Glông	2022-2024	2098/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	6.000	6.000	3.200	700		
5.5	Xây dựng cơ sở vật chất du lịch Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông tại Điểm số 8 (Núi lửa Năm Kar) và Điểm số 10 (cánh đồng lúa ven núi lửa)	Ban QLDA và PTQĐ huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	2201/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	8.485	8.485	3.856	1.000		
6	<i>Thể dục, thể thao</i>										
6.1	Sửa chữa, cải tạo Nhà luyện tập và Thi đấu đa năng tỉnh Đắk Nông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Gia Nghĩa	2022-2024	63/QĐ-SXD ngày 17/5/2022	6.000	6.000	3.500	500		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến năm 2022	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	TMDT				
7	Các hoạt động kinh tế										
	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>										
7.1	Hồ Đắk Rì 2, xã Tân Thành, huyện Krông Nô	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	2365/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	15.000	15.000	11.998	3.800	3.000	
	<i>Giao thông</i>										
7.2	Đường giao thông từ thôn M'rang đi bon M'ê Ra, xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức thuộc dự án ổn định dân di cư từ xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tuy Đức	2022-2024	1896/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	11.000	11.000	8.779	2.000	1.500	
7.3	Nâng cấp đường giao thông liên xã Nam Bình - Thuận Hạnh huyện Đắk Song	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2024	2053/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	12.600	12.600	10.049	2.000	4.000	
7.4	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Chu Trinh thị trấn Kiến Đức đi thôn 8 xã Kiến Thành	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	1718/QĐ-UBND ngày 17/11/2020	20.000	20.000	14.871	3.800	2.000	
7.5	Nâng cấp, mở rộng đường từ trung tâm xã Nhân Đạo đi đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	1895/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	14.979	14.979	13.453	3.000	2.500	
7.6	Đường giao thông trung tâm xã Nghĩa Thắng đi thôn Quảng Phước, xã Đạo Nghĩa	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	1975/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	30.000	30.000	21.051	6.400	3.500	
7.7	Đường giao thông từ huyện Tuy Đức đi huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông (đoạn từ cầu Đắk Loan đi cầu Đắk Nguyễn) - Trục D3	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2024	1950/QĐ-UBND ngày 17/11/2021	36.000	36.000	24.000	5.000	4.000	
7.8	Đường giao thông liên xã Đắk Ru - huyện Đắk R'lấp đi xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (đoạn từ Trung đoàn 720 đi ngã ba Trung Văn)	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2024	1949/QĐ-UBND ngày 17/11/2021	16.250	16.250	12.833	3.000	2.500	
7.9	Đường liên xã Đức Minh - Thuận An, huyện Đắk Mil	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2022-2024	1865/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	25.000	25.000	16.500	1.447	3.500	



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến năm 2022	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	TMDT				
7.10	Đường liên xã Đức Mạnh - Đức Minh - Đắk Minh - Đắk Sắk (Tư quốc lộ 14 đi tỉnh lộ 682)	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2022-2024	2203/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	18.000	18.000	14.284	3.000	3.000	
7.11	Nhựa hóa đường giao thông liên xã Đắk R'Mông - Quảng Hòa (Lý trình từ Km0+00 đến Km13+184)	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2022-2024	2180/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	25.000	25.000	18.589	4.000	4.000	
7.12	Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10), huyện Krông Nô	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	1763/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	30.000	24.562	19.000	4.700	3.500	
7.13	Đường giao thông từ xã Đắk Drô đi xã Tân Thành, huyện Krông Nô (DH66)	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	1517/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	20.000	20.000	14.871	3.000	2.500	
7.14	Đường giao thông liên xã thị trấn EaT'ling-Trúc Sơn-Cư K'nia-Nam Dong	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Krông Nô	2022-2024	2012/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	43.000	43.000	27.000	6.000	4.000	
7.15	Đường Lê Hồng Phong nối đường tranh thành phố Gia Nghĩa	Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2022-2024	1898/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	35.000	35.000	22.000	4.500	3.000	
7.16	Nâng cấp đường tuần tra quản lý bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung tỉnh Đắk Nông	Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung	Đắk Glong - Krông Nô	2022-2024	2284/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	18.000	18.000	14.284	4.700	2.000	
7.19	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Quảng Tín đi Đắk Sin (Đoạn từ Km208-QL14 đi Đắk Sin)	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	2256/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	25.000	25.000	18.089	4.000	3.000	
8	<i>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội</i>									-	
8.1	Nâng cấp, mở rộng Trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện Tuy Đức; Hàng mục: Nhà hội trường, phòng họp trực tuyến, trang thiết bị	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2024	2118/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	10.000	10.000	7.936	2.000	2.300	
8.2	Trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Tân Thành	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	2039/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	5.000	5.000	5.000	2.200	1.800	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến năm 2022	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
						Tổng số	NSDP				
8.3	Trụ sở làm việc Đảng ủy - Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Đắk N'Drung	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2024	2054/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	8.000	8.000	3.000	3.000		
8.4	Sửa chữa trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh Đắk Nông	Thanh tra tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2024	2202/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	3.800	3.800	2.000	700		
8.5	Sửa chữa trụ sở làm việc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2022-2024	1168/QĐ-UBND ngày 06/8/2021	5.000	5.000	3.000	1.000		
8.6	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Đắk Ha	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2022-2024	299/QĐ-SXD ngày 27/11/2020	14.500	14.500	3.350	1.500		
8.7	Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 (giai đoạn 2: Đầu tư, phát triển phần mềm ứng dụng)	Văn phòng Tỉnh ủy	Đắk Nông	2022-2024	1854/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	9.994	9.994	2.945	1.500		
8.8	Nhà luyện tập và chạy chương trình Đoàn ca mùa nhạc dân tộc tỉnh Đắk Nông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Gia Nghĩa	2022-2024	341/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	5.500	5.500	2.537	500		
8.9	Trụ sở làm việc UBND xã Đức Minh	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2022-2024	2183/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	18.000	15.000	2.850	1.500		
8.10	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND & UBND xã Thuận Hà	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2024	1976/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	8.000	8.000	2.000	3.500		
8.11	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Đắk Wer	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	354/QĐ-SXD ngày 18/12/2020	14.990	14.990	3.350	1.500		
8.12	Trụ sở làm việc HĐND - UBND xã Quảng Tân	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2024	355/QĐ-SXD ngày 21/12/2020	14.500	14.500	3.311	1.500		
8.14	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Quảng Tín	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	2384/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	14.000	14.000	3.000	1.500		
8.15	Mở rộng Trụ sở làm việc Sở Y tế	Sở Y tế	Gia Nghĩa	2022-2024	2094/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	2.906	2.906	2.000	300		
8.16	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Đạo Nghĩa	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	2385/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	15.000	15.000	2.850	1.500		

STT	Sinh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến năm 2022	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	TMDT			
8.17	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND và UBND phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2022-2024	2364/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	15.000	15.000	11.853	2.850	1.500
8.18	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Tổ chức Tỉnh ủy Đắk Nông	Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Nông	Gia Nghĩa	2022-2024	57/QĐ-SXD ngày 04/5/2022	3.500	3.500	3.500	2.400	500
8.19	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đắk Nông	Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Nông	Gia Nghĩa	2022-2024	58/QĐ-SXD ngày 10/3/2022	3.388	3.388	3.388	2.300	500
8.20	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp một số hạng mục thuộc dự án Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Đắk Nông	Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Nông	Gia Nghĩa	2022-2024	560/QĐ-UBND ngày 18/3/2022	4.483	4.483	4.483	3.077	500
8.21	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc UBND tỉnh Đắk Nông	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2022-2024	714/QĐ-UBND ngày 15/4/2022	15.000	15.000	15.000	6.000	2.000
II.7	Khởi công mới năm 2023					14.293	14.293	14.293		4.900
I	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội									
1.1	Nâng cấp, cải tạo khuôn viên, hạ tầng kỹ thuật trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Gia Nghĩa	2023-2025	34/NQ-HĐND ngày 10/11/2022	4.993	4.993	4.993	-	1.500
1.2	Sửa chữa, cải tạo và nâng cấp Trụ sở làm việc Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	Gia Nghĩa	2023-2025	35/NQ-HĐND ngày 10/11/2022	4.500	4.500	4.500	-	1.500
1.3	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông	Sở Tư pháp	Gia Nghĩa	2023-2025	36/NQ-HĐND ngày 10/11/2022	4.800	4.800	4.800	-	1.500
2	Giao thông									



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến năm 2022	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	NSDP				
					Tổng số						
I.1	Nâng cấp đường giao thông từ xã Đạo Nghĩa huyện Đắk R'lấp đi xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp		41/NQ-HDND ngày 11/5/2021	14.990	14.990		400		chuẩn bị đầu tư
D	NGUỒN CHÍNH PHỦ VAY VỀ CHO VAY LẠI					997.104	257.542	-	47.200		
I	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					997.104	257.542	-	8.000		
I.1	<i>Các hoạt động kinh tế</i>					997.104	257.542	-	8.000		
	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>					428.246	100.775	-	8.000		
I.1	Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán, vay vốn ADB tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh		2018-2024	662/QĐ-UBND ngày 9/5/2019; 663/QĐ-UBND ngày 9/5/2019	428.246	100.775		8.000		
-	<i>Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Cư Jút tỉnh Đắk Nông</i>			2018-2024	1074/QĐ-UBND, ngày 11/7/2018; 662/QĐ-UBND, ngày 09/5/2019; 1079/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	215.200	44.601		4.000		
-	<i>Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mil tỉnh Đắk Nông</i>			2018-2024	1073/QĐ-UBND, ngày 11/7/2018; 663/QĐ-UBND, ngày 09/5/2019; 1127/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	213.046	56.174		4.000		
II	Thông báo sau								39.200		

STT	Mục đích dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến năm 2022	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	NSDP				
		Tổng số									
E	NGUỒN BỔ SUNG TỪ NGUỒN CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025, NGUỒN TẶNG THU VÀ TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH HÀNG NĂM VÀ CÁC NGUỒN VỐN HỢP PHÁP KHÁC									150.000	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi					1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021; 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022	2.639.205	1.062.560	31.859	9.525	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững					90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022; 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2023	502.591	30.701	30.701	11.246	
3	Trả nợ gốc các khoản địa phương vay lại từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài							44.747		8.500	
4	Hỗ trợ thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho lực lượng Công an xã Chính quy giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông							58.000		10.346	
5	Kinh phí hỗ trợ thực hiện GPMB cho dự án Bệnh viện đa khoa chuyên sâu theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/9/2019 của HĐND tỉnh	Huyện Cư Jút	Cư Jút					8.300		8.300	
6	Xây dựng khu số 2 thuộc khu quy hoạch dân cư Sùng Đức 131,5ha	Trung tâm đo đạc và tư vấn Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa					957		957	
7	Đường tránh đô thị Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Sở Giao thông vận tải	Gia Nghĩa					1.126		1.126	
8	Đường cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)						1.000.000	1.000.000		100.000	Từ nguồn sử dụng đất

Phụ lục III
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số 70/BC-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu Kế hoạch năm 2023				Ghi chú	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB trước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB trước	Trong đó: NSTW			Ghi chú
															Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB trước		
	TỔNG CỘNG						7.014.836	6.204.261	2.339.458	2.300.158	4.812.363	118.540	0	1.115.600	16.110	0	3.000	
I	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2022						358.687	358.687	337.680	337.680	118.540	118.540	0	16.110	16.110	0	0	
(1)	Các hoạt động kinh tế						358.687	358.687	337.680	337.680	118.540	118.540	0	16.110	16.110	0	0	
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi thủy sản						358.687	358.687	337.680	337.680	118.540	118.540	0	16.110	16.110	0	0	
1.1	Dự án quy hoạch ổn định dân cư biên giới, xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức	UBND huyện Tuy Đức	Tuy Đức		2010-2014	664/QĐ-UBND, 19/5/2010, 1227/QĐ-UBND 27/9/2012,	358.687	358.687	337.680	337.680	118.540	118.540		16.110	16.110			
II	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023						951.835	866.835	816.504	816.504	119.000	0	0	36.463	36.463	0	0	
(1)	Các hoạt động kinh tế						951.835	866.835	816.504	816.504	119.000	0	0	36.463	36.463	0	0	
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi thủy sản						785.000	700.000	690.043	690.043	50.000	0	0	9.957	9.957	0	0	
1.1	Hồ Gia Nghĩa, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa		2018-2023	1682/QĐ-UBND 19/10/2017, 404/QĐ-UBND 26/3/2018, 870/QĐ-UBND 08/6/2018, 1294/QĐ-UBND 24/8/2018	785.000	700.000	690.043	690.043	50.000			9.957	9.957			
b	Giao thông						166.835	166.835	126.461	126.461	69.000	0	0	26.506	26.506	0	0	
1.1	Đường giao thông từ thị trấn Kiến Đức đi liên xã Kiến Thành - Nhân cơ - Nhân Đạo	Ban quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk R'Lấp	Đắk R'Lấp		2019-2023	1724/QĐ-UBND 31/10/2017	85.005	85.005	61.461	61.461	35.000			10.999	10.999			
1.2	Nâng cấp các trục đường giao thông chính thị trấn Đắk Mil	Ban quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil		2019-2023	1721/QĐ-UBND 31/10/2017	81.830	81.830	65.000	65.000	34.000			15.507	15.507			bị hủy DT 7 tỷ

STT	Danh mục dự án hoàn thành sau năm 2023	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC- HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Lấy kế bố trí vốn đến hết năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu Kế hoạch năm 2023				Ghi chú							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn tăng trước	Thanh toán nợ XD/CB	Trong đó NSTW		Tổng số		Thu hồi các khoản vốn tăng trước	Thanh toán nợ XD/CB	Chiếm bị đầu tư				
														Tổng số	Trong đó: các nguồn vốn)									
III	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																							
(1)	Phát thanh, truyền hình, thông tin																							
3.1	Đầu tư mua sắm thiết bị thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắk Nông (giai đoạn 2)	Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	Gia Nghĩa	2022- 2025	51/NQ-HĐND 11/5/2021; 1788/QĐ- UBND 25/10/2021	74.000	74.000	1.178.826	20.000	74.000	0	0	1.000.027	20.000	0	0	0	0	0	0			
(2)	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp																							
3.1	Trường Cao đẳng Công đồng tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban Quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp	Gia Nghĩa		1721/QĐ-UBND 30/10/2013; 463/QĐ-UBND 28/3/2016; 1439/QĐ-UBND 01/9/2017; 1078/QĐ- UBND 24/7/2020	562.968	110.000	128.970	89.670	12.000	0	0	6.540	6.540	0	0	0	0	0	0	0		
(3)	Các hoạt động kinh tế																							
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi thủy sản																							
3.1	Hồ Đắk Klo Ou, xã Đắk lao	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2021- 2024	1750/QĐ-UBND 31/10/2017	81.000	81.000	30.950	30.950	81.000			30.000	30.000									
3.2	Hồ Đắk R'tan, xã Đắk R'Th, huyện Tuy Đức	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022- 2025	30/NQ-HĐND 11/5/2021; 2360/QĐ-UBND 31/12/2021	110.000	110.000	6.400	6.400	110.000			35.000	35.000									
3.3	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ - tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2022- 2027	279/QĐ-UBND 24/5/2021; 1914/QĐ-UBND 10/11/2021	127.000	18.000	2.000	2.000	18.000			3.500	3.500									Đối tư ợng ODA
b	Giao thông						2.187.272	2.109.218	521.877	521.877	1.971.698	0	0	509.987	509.987	0	0	0	0	0	0	0	0	0



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế bố trí vốn đến hết năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu Kế hoạch năm 2023			Ghi chú					
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản vốn tăng trước	Thu hồi các khoản nợ XDCB	Thuần toán nợ XDCB	Chuyển bị đầu tư
													Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW							
3.1	Đường Bờ Tây, Hồ Trung tâm	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Gia Nghĩa	2021-2024	1720/QĐ-UBND 31/10/2017	198.054	120.000	111.641	111.641	118.000	8.359	8.359							
3.2	Đường vào xã Ea Pô, huyện Cư Jút	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2021-2024	1653/QĐ-UBND 18/10/2018	90.000	90.000	59.000	59.000	88.000	20.000	20.000							
3.3	Đường giao thông từ trung tâm huyện Đắk Song đi xã Thuận Hà và xã Đắk N'đrưng	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2021-2024	1801/QĐ-UBND 31/10/2019	82.000	82.000	18.518	18.518	80.000	15.000	15.000							
3.4	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 2	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Song-Đắk Mil	2022-2025	54/NQ-HĐND 11/5/2021, 1993/QĐ-UBND 18/11/2021	300.000	300.000	72.412	72.412	300.000	70.000	70.000							
3.5	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 3	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Mil-Krông Nô	2022-2025	55/NQ-HĐND 11/5/2021, 1990/QĐ-UBND 18/11/2021	300.000	300.000	45.306	45.306	245.698	79.000	79.000							
3.6	Cải tạo, nâng cấp cục bộ Tỉnh lộ 5	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk R'lấp	2022-2025	56/NQ-HĐND 11/5/2021, 1996/QĐ-UBND 19/11/2021	190.000	190.000	30.000	30.000	170.000	47.628	47.628							
3.7	Đường giao thông xã Đắk DYRông đi xã Đắk Wil huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2022-2025	64/NQ-HĐND 11/5/2021, 2004/QĐ-UBND 19/11/2021	90.000	90.000	25.000	25.000	90.000	25.000	25.000							
3.8	Các trục đường khu Trung tâm Văn hóa - Thương mại huyện Đắk Glong	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Glong	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Glong	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2022-2025	63/NQ-HĐND 11/5/2021, 1894/QĐ-UBND 09/11/2021	95.000	95.000	15.000	15.000	95.000	25.000	25.000							
3.9	Đường giao thông phát triển đô thị mới thị trấn Đắk Mâm huyện Krông Nô	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2025	22/NQ-HĐND 11/5/2021, 2052/QĐ-UBND 25/11/2021	80.000	80.000	8.700	8.700	80.000	25.000	25.000							
3.10	Đường giao thông xã Đức Minh đi xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil (ĐH16)	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2022-2025	80/NQ-HĐND 11/5/2021, 2226/QĐ-UBND 15/12/2021	78.218	78.218	15.000	15.000	81.000	25.000	25.000							
3.11	Đường giao thông từ Quốc lộ 14 đi tỉnh lộ 681, huyện Đắk R'lấp	Ban quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Ban quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Ban quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2025	40/NQ-HĐND 11/5/2021, 2246/QĐ-UBND 17/12/2021	98.000	98.000	15.000	15.000	98.000	30.000	30.000							



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Lấy kế bố trí vốn đến hết năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu Kế hoạch năm 2023				Chí chủ	
							TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Trong đó:		Trong đó:		
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thu hồi các khoản nợ XDCB	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thu hồi các khoản nợ XDCB
3.12	Đường vào xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (giai đoạn 2)	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2025	33/NQ-HĐND 11/5/2021; 2182/QĐ-UBND 09/12/2021	100.000	100.000	35.000	35.000	100.000	30.000	30.000	0	0	0	0	
3.13	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã đoạn đi qua khu Trung tâm đô thị Nam Đông; Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng.	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2022-2025	65/NQ-HĐND 11/5/2021; 2386/QĐ-UBND 31/12/2021	100.000	100.000	25.000	25.000	90.000	20.000	20.000	0	0	0	0	
3.14	Đường giao thông liên xã Đắk Pao - Đắk R'Mông - Đắk Som	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Glong	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2022-2025	59/NQ-HĐND 11/5/2021; 2229/QĐ-UBND 15/12/2021	110.000	110.000	5.300	5.300	90.000	25.000	25.000	0	0	0	0	
3.15	Đường giao thông từ thị trấn Đắk Mâm đi xã Năm Nung và xã Năm N'Đir, huyện Krông Nô (ĐH57)	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2025	21/NQ-HĐND 11/5/2021; 1999/QĐ-UBND 19/11/2021	80.000	80.000	25.000	25.000	80.000	25.000	25.000	0	0	0	0	
3.16	Đường từ quốc lộ 14 qua trung tâm hành chính mới đi tỉnh lộ 683	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk M'li	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk M'li	Đắk M'li	2022-2025	81/NQ-HĐND 11/5/2021; 2361/QĐ-UBND 31/12/2021	110.000	110.000	1.000	1.000	90.000	30.000	30.000	0	0	0	0	
3.17	Đường giao thông từ tỉnh lộ 681 đi thị trấn Kiến Đức qua các xã Kiến Thành - Đắk W'er - Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp	Ban quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Ban quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2025	37/NQ-HĐND 11/5/2021; 2362/QĐ-UBND 31/12/2021	86.000	86.000	15.000	15.000	76.000	10.000	10.000	0	0	0	0	
c	Công trình công cộng tại các đô thị						400.000	400.000	56.019	56.019	400.000	0	110.000	0	0	0	0	
3.1	Quảng trường trung tâm thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2025	53/NQ-HĐND 11/5/2021; 158/NQ-HĐND 20/8/2021	400.000	400.000	56.019	56.019	400.000	110.000	110.000	0	0	0	0	
(4)	Xã Hội						44.949	42.396	31.000	31.000	44.000	5.000	5.000	0	0	0	0	
3.1	Trung tâm bảo trợ xã hội của tỉnh	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa	2021-2024	85/HĐND-VP 28/3/2017; 249/QĐ-UBND 26/02/2019; 2055/QĐ-UBND 19/12/2019	44.949	42.396	31.000	31.000	44.000	5.000	5.000	0	0	0	0	
(5)	Các dự án trọng điểm, liên kết vùng						1.583.000	1.500.000	381.610	381.610	1.500.000	280.000	280.000	0	0	0	0	
a	Y tế						753.000	750.000	191.610	191.610	750.000	130.000	130.000	0	0	0	0	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Lấy kế bố trí vốn đến hết năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu Kế hoạch năm 2023				Ghi chú			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản vốn tăng trước		Thu hồi các khoản nợ XDCB	Thu hồi các khoản nợ XDCB	Chuyển bị đầu tư
												Tổng số	Trong đó: NSTW							
3.1	Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2025	52/NQ-HĐND 11/5/2021; 372/QĐ-SXD 25/12/2020; 2281/QĐ-UBND 22/12/2021	753.000	750.000	191.610	191.610	750.000	130.000	130.000	0	0	0	0	0	0	
<i>b</i>	<i>Giao thông</i>						830.000	750.000	190.000	190.000	750.000	150.000	150.000	0	0	0	0	0	0	
3.1	Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê (giai đoạn 2)	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk R'lấp-Đắk Giông	2022-2025	1147/QĐ-UBND, 307/2015; 2076/QĐ-UBND 22/12/2015; 858/QĐ-UBND 24/5/2017; 2064/QĐ-UBND 28/12/2017; 1145/QĐ-UBND 03/8/2021	830.000	750.000	190.000	190.000	750.000	150.000	150.000	0	0	0	0	0	0	
IV	Chuẩn bị đầu tư						160.000	160.000	528	528	160.000	3.000	3.000	0	0	0	0	0	3.000	
(1)	Thế dục, thể thao						160.000	160.000	528	528	160.000	3.000	3.000	0	0	0	0	0	3.000	
4.1	Nhà thi đấu tỉnh Đắk Nông	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa	2023-2026	104/NQ-HĐND 11/5/2021; 157/NQ-HĐND 20/8/2021	160.000	160.000	528	528	160.000	3.000	3.000	0	0	0	0	0	3.000	
V	Dự kiến khởi công mới năm 2023						374.125	374.125	5.920	5.920	204.125	60.000	60.000	0	0	0	0	0	0	
(1)	Các hoạt động kinh tế						374.125	374.125	5.920	5.920	204.125	60.000	60.000	0	0	0	0	0	0	
<i>a</i>	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi thủy sản</i>						89.125	89.125	3.000	3.000	89.125	30.000	30.000	0	0	0	0	0	0	
5.1	Hồ suối 38, tỉnh Đắk Nông	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Mil	2023-2026	107/NQ-HĐND 11/5/2021	89.125	89.125	3.000	3.000	89.125	30.000	30.000	0	0	0	0	0	0	
<i>b</i>	<i>Giao thông</i>						205.000	285.000	2.920	2.920	115.000	30.000	30.000	0	0	0	0	0	0	
5.1	Đường Tôn Đức Thắng nói 2 trục Bắc Nam	Ban quản lý Dự án và phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Ban quản lý Dự án và phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2023-2026	91/NQ-HĐND 11/5/2021	85.000	85.000	920	920	85.000	15.000	15.000	0	0	0	0	0	0	
5.2	Đường Lê Duẩn nói đường Võ Văn Kiệt, thành phố Gia Nghĩa	Ban quản lý Dự án và phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Ban quản lý Dự án và phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2023-2026	92/NQ-HĐND 11/5/2021; 153/NQ-HĐND 20/8/2021	200.000	200.000	2.000	2.000	30.000	15.000	15.000	0	0	0	0	0	0	

Phụ lục IV

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI

(Kèm theo Báo cáo số 705/BC-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danhs mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Dự kiến KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội		Dự kiến kế hoạch 2023 cho nhiệm vụ dự án từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội		Ghi chú		
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư		Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư
TỔNG CỘNG																
A	PHÒNG CHỐNG SẠT LỞ BỜ SÔNG, BỜ BIÊN, BẢO ĐẢM AN TOÀN HỒ CHỨA, THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, KHÁC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI															
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023															
1.1	Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước (Thôn 2, Đắk Ngo, Xã Đắk Ngo, Hồ Số 2, Hồ Số 3, Thôn 2, Ea T'Linh, Thôn 3B)		283	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông	Cư Jút, Đắk Glong, Đắk R'lấp, Tuy Đức		2022-2023	28/NQ-HĐND 28/7/2022	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000			
B	ĐẦU TƯ CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI, ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ, KẾT NỐI VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM															
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023															
1.1	Đầu tư, phát triển Trường Cao đẳng Cộng đồng Đắk Nông	7964083	093	Trường Cao đẳng Cộng đồng	Gia Nghĩa		2022-2023	22/NQ-HĐND 17/6/2022; 1513/QĐ-UBND 08/9/2022	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Dự kiến KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội		Dự kiến kế hoạch 2023 cho nhiệm vụ dự án từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội		Ghi chú		
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư		Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư
C	ĐẦU TƯ NÂNG CAO NĂNG LỰC Y TẾ DỰ PHÒNG, Y TẾ CƠ SỞ							132.000	132.000	132.000	0	132.000	0			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023							132.000	132.000	132.000	0	132.000	0			
1.1	Dự án Đầu tư xây mới, cải tạo nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Đắk Nông		132	Sở Y tế	Gia Nghĩa		2022-2023	30.000	30.000	30.000		30.000				
1.2	Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Đắk Nông		132	Sở Y tế	Toàn tỉnh		2022-2023	86.550	86.550	86.550		86.550				
1.3	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo 09 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Đắk Nông		132	Sở Y tế			2022-2023	15.450	15.450	15.450		15.450				

Phụ lục V
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số 75/BC-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Ngày ký kết hiệp định	Thời gian KC-HT	Số quyết định	Quyết định đầu tư										Lấy kế bố trí từ khởi công đến năm 2022				Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2023		Ghi chú	
						TMDT										Trong đó:				Trong đó		Trong đó			
						Vốn đối ứng					Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn nước ngoài		Vốn nước ngoài			
						Tổng số (đất các nguồn vốn)	Tổng số NSTW	NSDP	Các nguồn khác	Tình bằng nguyên tệ	Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Tổng số các nguồn vốn	Tổng số NSTW	NSDP	Các nguồn vốn khác	Tổng số	Cấp phát từ NSTW	Cho vay lại không hoàn lại	Viện trợ không hoàn lại	Tổng số		Vốn nước ngoài (cấp phát)
	TỔNG SỐ					1.687.067	480.641	279.035	201.606	70,2	1.290.131	1.110.124	180.007	529.085	88.953	54.000	34.953	440.132	354.770	85.362	938.852	938.852	145.230	125.730	19.500
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG					1.687.067	480.641	279.035	201.606	70,2	1.290.131	1.110.124	180.007	529.085	88.953	54.000	34.953	440.132	354.770	85.362	938.852	938.852	145.230	125.730	19.500
I	Các hoạt động kinh tế					555.241	119.161	18.000	101.161	19,3	519.785	437.550	82.235	52.026	21.204	2.000	19.204	30.822	27.322	3.500	324.941	324.941	55.000	47.000	8.000
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					555.241	119.161	18.000	101.161	19,3	519.785	437.550	82.235	52.026	21.204	2.000	19.204	30.822	27.322	3.500	324.941	324.941	55.000	47.000	8.000
1.1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023					555.241	119.161	18.000	101.161	19,3	519.785	437.550	82.235	52.026	21.204	2.000	19.204	30.822	27.322	3.500	324.941	324.941	55.000	47.000	8.000
1.1.1	Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán, vay vốn ADB tỉnh Đắk Nông	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	28/12/2018	2018-2024	662/QĐ-UBND ngày 9/5/2019; 663/QĐ-UBND ngày 9/5/2019; 1079/QĐ-UBND ngày 30/6/2022; 1127/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	428.246	100.775	100.775		19,3	411.176	328.941	82.235	36.704	19.204		19.204	17.500	14.000	3.500	324.941	324.941	40.000	32.000	8.000
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Cư Jút tỉnh Đắk Nông					215.200	44.601	44.601			170.599	136.479	34.120	36.290	8.440		8.440	27.850	22.280	5.570			20.000	16.000	4.000
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mil tỉnh Đắk Nông					213.046	56.174	56.174			156.872	125.498	31.374	61.414	10.764		10.764	50.650	40.520	10.130			20.000	16.000	4.000
1.1.2	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp & Phát triển NT	28/5/2021	2021-2026	740/QĐ-TTg ngày 20/5/2020; 729/QĐ-UBND ngày 24/5/2021	126.995	18.386	18.000	386		108.609	108.609		15.322	2.000		2.000	13.322	13.322				15.000	15.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Ngày ký kết hiệp định	Thời gian KC-HT	Số quyết định	Quyết định đầu tư										Lấy kế bố trí từ khởi công đến năm 2022				Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2023		Chi chú						
						TMDT					Trong đó:					Vốn đối ứng					Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)					Trong đó:		Trong đó:		
						Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:			
						Tổng số	NSTW	NSDP	Các nguồn khác	Tình bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt	Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Trong đó:	Trong đó:	Tổng số	NSTW	NSDP	Các nguồn vốn khác	Tổng số	Cấp phát từ NSTW	Cho vay lại	Viện trợ không hoàn lại		Tổng số	Vốn nước ngoài (cấp phát)	Tổng số	Vốn nước ngoài (cấp phát)	Tổng số	Vốn nước ngoài (cấp phát)
II	Thông báo sau					1.131.826	361.480	261.035	100.445	51	770.346	672.574	97.772	477.059	67.749	52.000	15.749	409.310	327.448	81.862	613.911	613.911	90.230	78.730	11.500					
II.1	Các hoạt động kinh tế					568.858	79.996	63.996	16.000	26	488.862	391.090	97.772	477.059	67.749	52.000	15.749	409.310	327.448	81.862	332.427	332.427	57.500	46.000	11.500					
I	Giáo dục					568.858	79.996	63.996	16.000	26	488.862	391.090	97.772	477.059	67.749	52.000	15.749	409.310	327.448	81.862	332.427	332.427	57.500	46.000	11.500					
I.1	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023					568.858	79.996	63.996	16.000	26	488.862	391.090	97.772	477.059	67.749	52.000	15.749	409.310	327.448	81.862	332.427	332.427	57.500	46.000	11.500					
2.1.1	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Đắk Nông	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	5/4/2017	2017-2023	1288/QĐ-UBND ngày 26/4/2016; 919/QĐ-UBND ngày 1/6/2017; 419/QĐ-UBND ngày 12/4/2021	568.858	79.996	63.996	16.000	25,6	488.862	391.090	97.772	477.059	67.749	52.000	15.749	409.310	327.448	81.862	332.427	332.427	57.500	46.000	11.500		Dự kiến bố trí cho dự án sau khi dự án hoàn thành thủ tục sẽ dùng vốn dự			
II.2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					562.968	281.484	197.039	84.445	25,3	281.484	281.484									281.484	281.484	32.730	32.730						
I	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023					562.968	281.484	197.039	84.445	25,3	281.484	281.484									281.484	281.484	32.730	32.730						
1.1	Trường cao đẳng công đồng tỉnh Đắk Nông	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh			300/QĐ-TTg ngày 25/2/2020	562.968	281.484	197.039	84.445	25,3	281.484	281.484									281.484	281.484	32.730	32.730			Dự kiến phân bổ cho dự án sau khi dự án được ký kết Hiệp định vay			